

MỘT SỐ YÊU CẦU KHI ĐÁNH GIÁ GIỜ HỌC VĂN HÓA PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HÓA HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT

Ngô Quỳnh Vân

Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội
Email: quynhvan71quynh@gmail.com

Article History

Received: 04/01/2021

Accepted: 15/01/2021

Published: 20/01/2021

Keywords

Art college, evaluation,
learning activating, visit
lessons.

ABSTRACT

Students' positive learning is an indispensable requirement for learners in general, high school students of art colleges in particular because it determines the efficiency and quality of training. The article presents some characteristics of teaching in art colleges, thereby giving requirements for attending and evaluating learning in a positive direction. Research results help managers to design class observation sheets, evaluate teaching to improve teaching efficiency, contributing to improving learning outcomes to meet requirements of today's educational innovation.

1. Mở đầu

Giờ lên lớp là một khâu trong quá trình dạy học, được kết thúc trọn vẹn trong khuôn khổ nhất định về thời gian theo quy định của kế hoạch dạy học. Do đó, trong mỗi giờ lên lớp, hoạt động dạy của giáo viên (GV) và hoạt động học của học sinh (HS) đều được thực hiện dưới sự tác động tương hỗ giữa các yếu tố cơ bản của quá trình dạy học. *Tích cực hóa* là sự gây ảnh hưởng đến người học và quá trình học tập để làm chuyển biến vị thế của họ từ chỗ là chủ thể tiếp nhận học vắn một cách thụ động, một chiều, trở thành chủ thể tích cực, tự lực, tự giác và năng động tiến hành quá trình học tập của mình ở cấp độ hoạt động cá nhân, làm chuyển biến việc học từ chỗ đơn giản là sự học, sự bắt chước, sự tái hiện, sự ghi nhớ, sự ôn luyện máy móc, sự sao chép những bài bản và chân lí cho sẵn, sự chấp nhận và thừa hành những chỉ bảo, điều kiện, yêu cầu và những giáo điều sách vở trở thành hoạt động học tập, tức là có động cơ học tập, có hệ thống hành động học tập với những mục đích xác định, có kĩ năng và phương pháp, phương tiện thích hợp, có sự hoạch định các nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, dựa trên những nguyên tắc, tư tưởng và định hướng giá trị nhất định của cá nhân (Đặng Thành Hưng, 2002).

Từ đó, có thể hiểu: giờ học theo hướng tích cực hóa học tập của HS là giờ học mà ở đó HS tích cực, tự lực, tự giác và năng động tiến hành quá trình học tập của mình ở cấp độ hoạt động cá nhân. Đây là một yêu cầu không thể thiếu đối với người học nói chung, HS khối văn hóa phổ thông của các trường cao đẳng nghệ thuật nói riêng bởi nó quyết định đến hiệu quả, chất lượng đào tạo. Để tích cực hóa học tập của HS văn hóa phổ thông đạt được kết quả như mong đợi thì đòi hỏi công tác quản lí giáo dục được xem như giải pháp quan trọng. Dạy học ở trường phổ thông diễn ra trong môi trường thuần nhất, còn ở trường nghề thì môi trường đó phức tạp hơn nhiều. Điều này chưa được quan tâm đúng cách và đúng mức trong quản lí dạy học ở trường cao đẳng nghệ thuật.

Đánh giá một giờ dạy phải xem xét, phân tích giờ dạy đó đã giải quyết được mức độ nào theo mục đích đặt ra trên cơ sở sử dụng phương pháp, phương tiện và cách thức tổ chức phù hợp với nội dung của giờ dạy đó - nghĩa là phải đánh giá giờ dạy của GV một cách toàn diện các yếu tố của quá trình dạy. Việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá hiệu quả của một giờ học không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với những người làm công việc quản lí giáo dục, mà còn giúp các GV có định hướng và những chỉ dẫn rõ ràng để đạt đến hiệu quả của việc dạy học. Do đó, trong khi dự giờ và đánh giá giờ học cần có những yêu cầu nhất định.

Bài báo trình bày một số đặc điểm dạy học văn hóa phổ thông ở trường cao đẳng nghệ thuật, từ đó đưa ra những yêu cầu khi đánh giá giờ học văn hóa theo hướng tích cực hóa học tập của HS trường cao đẳng nghệ thuật, nhằm tác động tích cực đến tư duy và cách dạy của GV, cách học của HS ở trường cao đẳng nghệ thuật, nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là công tác quản lí đáp ứng yêu cầu cấp bách trong đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đặc điểm dạy học văn hóa phổ thông ở trường cao đẳng nghệ thuật

- *Quan hệ trực tiếp với đào tạo nghệ:* Hiện nay, một số trường cao đẳng nghệ thuật là trường nghề, chịu sự quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chương trình đào tạo, tổ chức và các hoạt động khác; bên cạnh đó còn chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về nhân sự. Vì vậy, tất cả các hoạt động chung của nhà trường đều theo quy định của một trường nghề. Sứ mệnh của các trường là đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật có chất lượng trong nền kinh tế tri thức vì lợi ích cộng đồng và xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để cạnh tranh với những cơ sở đào tạo uy tín cùng lĩnh vực trong nước; tiếp cận với chất lượng của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới; chủ động mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để nâng cao hình ảnh, tín nhiệm của Trường. Vì vậy, khối văn hóa phổ thông cần có sự phát triển theo mục tiêu chung đó. Quản lý dạy học văn hóa còn có sứ mệnh quan trọng nữa là phải dẫn đến những điều kiện quan trọng đảm bảo thuận lợi cho dạy học chuyên ngành Nghệ thuật. Học các môn văn hóa tốt sẽ hỗ trợ cho tư duy nghệ thuật và kỹ năng nghề, nhất là các kỹ năng để sáng tạo, nuôi dưỡng và phát triển tài năng nghệ thuật.

- *Liên quan trực tiếp với hoạt động nghệ thuật:* HS khối văn hóa phổ thông có liên quan trực tiếp đến các hoạt động nghệ thuật. Các em vừa học chương trình phổ thông vừa học nghệ thuật nhất định. HS các lớp văn hóa là HS của tất cả chuyên ngành nghệ thuật: Mĩ thuật, Thanh nhạc, Múa, Nhạc nhẹ, Nhạc dân tộc... thuộc hệ trung cấp. Các em vừa phải học nghệ thuật vừa song song học văn hóa. Mọi liên quan đó buộc các nhà quản lý phải có sự sắp xếp hài hòa về thời khóa biểu cũng như các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, hội họa... để hai bên hỗ trợ cho nhau và không ảnh hưởng lẫn nhau. Thường thì đến năm thứ hai của khóa học, HS phải nghỉ học nhiều để tham gia các hoạt động nghệ thuật, hội họa hoặc bắt đầu trải nghiệm các cơ hội có việc làm thực tế nên ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình học văn hóa. Có những trường hợp đi biểu diễn hoặc tham gia hoạt động Mĩ thuật dài ngày ở nước ngoài nhưng khoa vẫn phải tạo điều kiện cho các em học bổ sung cho kịp, đủ chương trình hoặc học lại, thi lại. Điều này do đặc trưng của trường nghề nghệ thuật nên mặc dù rất bất cập nhưng vẫn phải thực hiện.

- *Giao tiếp đa dạng và phức tạp:* Do các lớp học văn hóa tập trung nhiều thành phần HS của tất cả các khoa chuyên ngành khác nhau, thậm chí của nhiều địa phương khác nhau cùng tụ họp về một lớp, một khối nên giao tiếp của HS rất phong phú và đa dạng; đôi khi còn phức tạp, vì đặc điểm tâm sinh, lí rất khác nhau, thậm chí còn ngược nhau. HS thuộc nhóm ngành nghệ thuật biểu diễn thường năng động, sôi nổi, phóng khoáng, tự do về giao tiếp, trang phục, nói năng, thậm chí cả về các mối quan hệ..., rất khác với HS thuộc khối chuyên ngành Mĩ thuật (đa phần là trầm tĩnh, từ tốn, khuôn phép, cá tính, đôi khi lạnh lùng, e ngại, hạn chế giao tiếp). Điều này khiến cho GV phải linh hoạt và dày công trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy; các nhà quản lý phải có tầm nhìn bao quát và sâu sắc hơn khi xây dựng các chương trình đào tạo và hoạt động học tập, trải nghiệm. Nhưng nếu nhìn ở một khía cạnh khác thì điều đó cũng chính là một thuận lợi cho việc quản lý dạy học văn hóa. Vì khi đó, cả GV và HS sẽ được tiếp xúc nhiều thành phần HS với những nét cá tính đa dạng và phong phú, là “mảnh đất” cho nhà giáo sáng tạo và các nhà quản lý thể hiện khả năng của mình.

- *Ảnh hưởng hàng ngày của HS nghệ thuật chuyên nghiệp:* Tất cả những đặc điểm về tâm - sinh lí, đặc điểm học tập, sinh hoạt, giao tiếp... như đã trình bày ở trên có ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập hàng ngày của HS. Ngoài ra, những HS nghệ thuật thực thụ, đã học hết chương trình phổ thông và đang học chuyên ngành cũng có ảnh hưởng rất mạnh đến các em. Nếu như HS các trường phổ thông khác cùng lứa tuổi thường nghiêm túc trong việc thực hiện nội quy, học tập, nề nếp hàng ngày khi đi học, thì đa phần HS nghệ thuật có phần tự do hơn, ví dụ: trong lớp họ thoải mái làm việc riêng hoặc vẽ tranh... mà thiếu tập trung nghe giảng.

Những đặc điểm mang tính đặc thù trên đây là cơ sở để các nhà quản lý khi tiến hành dự giờ và đánh giá giờ học văn hóa phổ thông theo hướng tích cực hóa học tập, cần thực hiện những yêu cầu nhất định.

2.2. Một số yêu cầu khi đánh giá giờ học văn hóa phổ thông theo hướng tích cực hóa học tập

2.2.1. Thực hiện những nguyên tắc giáo dục hướng vào người học

- *Quan sát ưu tiên và nhấn mạnh các hoạt động của người học, những biểu hiện của họ trong học tập:* Khi dự giờ, điều quan trọng hàng đầu là phải chú ý quan sát người học chứ không phải quan sát người dạy. Cần quan sát theo các chỉ số phản ánh tính tích cực học tập đang thể hiện của HS. Đó là: (1) Mức độ tập trung chú ý vào học tập của lớp (tỉ lệ HS tập trung chú ý cao độ, tỉ lệ chú ý bình thường, tỉ lệ lơ đãng hay không chú ý); (2) Mức độ và cách thức tương tác giữa HS với nhau và giữa HS với GV trong quá trình giao tiếp; (3) Tỉ lệ, cường độ và thái độ phản ứng của HS trước các tình huống, vấn đề học tập và hành vi của GV (thắc mắc nhiều hay ít, chủ động tranh luận, chủ động đặt vấn đề, đề xuất giải pháp, phản biện, đề ra yêu cầu với GV, tìm kiếm thông tin, trao đổi học liệu...); (4) Mức độ biểu hiện của kỹ năng học tập mà HS tiến hành. Có thể sử dụng thang đo Likert 5 bậc để đánh giá các

tiêu chí này. Ở đây, cần chú ý cả những kỹ năng học tập cá nhân (các kỹ năng nhận thức học tập, những kỹ năng giao tiếp học tập, những kỹ năng quản lý học tập) (Đặng Thành Hưng, 2004) lẫn những kỹ năng học tập hợp tác (Đặng Thành Hưng và Không Mạnh Điệp, 2018); (5) Nền xúc cảm chung của lớp như: có hợp tác, thân thiện, giàu thông tin, môi trường học tập kiến tạo, chan hòa, cạnh tranh lành mạnh hay không (Đặng Thành Hưng, 2012).

- *Lưu ý đánh giá tính thích ứng của các hoạt động, phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật và phương tiện dạy học mà GV thực hiện*: Hiệu quả dạy học phụ thuộc vào những gì GV sử dụng để tác động vào HS và quá trình học tập có thích hợp hay không, thậm chí còn phải thích hợp với thể chất và kinh nghiệm nói chung của HS nữa. Chẳng hạn, nếu dạy kỹ năng gia công vật liệu mà dùng mô phỏng hiện thực ảo hoặc thuyết trình, giải thích thì không thích hợp, mà kỹ năng đó đòi hỏi phải “tay kim tay búa” mới có kết quả và GV phải làm mẫu thực sự. Dạng nội dung học tập chỉ cần ghi nhớ và hiểu thì không cần phải bày biện ra chiến lược kiến tạo, tìm tòi, thực nghiệm cầu kì cùng những nguồn lực và thời gian lãng phí mà lại thiếu hiệu quả, mà chỉ cần sơ đồ Graph, bản đồ khái niệm... kèm theo giải thích là hợp lí. Nếu lạm dụng không đúng những kỹ thuật, học liệu phức tạp mà không thích ứng với HS và học tập thì đó là biểu hiện GV kém năng lực sư phạm (Trần Thị Tuyết Oanh, 2009; Ngô Quỳnh Vân, 2018).

- *Kết luận cuối cùng phải là người học có được việc không, chứ không phải GV có dạy hết bài không*: Điểm nhấn trung tâm khi dự giờ và đánh giá, nhất là đánh giá cuối cùng, phải là người học đã học được cái gì, giờ học giúp họ thu được lợi ích gì, họ có được việc của mình không? Cần phải kiểm tra nhanh hay phỏng vấn, vấn đáp một số HS vào cuối giờ học để có căn cứ phán đoán điều này. Dù có phương pháp và kỹ năng tốt, nói hay, diễn hay, trang phục ưa nhìn... mà HS không được gì thì giờ học đó là kém. Đánh giá giờ học và tay nghề nhà giáo chứ không phải đánh giá trình độ biểu diễn của GV. Giá trị trung tâm của đầu ra chính là lợi ích của người học. Được việc của người học thì đồng thời người dạy cũng được việc. Nhưng nếu chỉ đánh giá phần biểu diễn của nhà giáo, tức là đúng giờ, đúng các bước lên lớp, dạy hết bài... thì mới là nửa vời (Đặng Thành Hưng, 2004). Người dạy được việc của mình có nghĩa là chưa dạy được ai cái gì cả, bởi vì HS có thể không được việc.

2.2.2. *Áp dụng những tiêu chí đánh giá tập trung vào quá trình và vào chất lượng sản phẩm học tập*

- *Kiểu phương pháp dạy học hay chiến lược dạy học mà GV lựa chọn và thực thi*: Đường lối phương pháp dạy học mà GV lựa chọn ngay từ đầu đã quyết định hiệu quả hoạt động của họ (Đặng Thành Hưng, 2004). Kiểu phương pháp dạy học phải phù hợp với nội dung học tập và kinh nghiệm cá nhân của GV. Ví dụ: GV chọn kiểu phương pháp tìm tòi - kiến tạo thì chính họ phải thành thạo các kỹ năng thiết kế và tiến hành thực nghiệm, phải khéo tay trong nhiều việc cụ thể. Nội dung học tập cũng đòi hỏi HS phải học dựa vào tìm tòi, chứ không có tư liệu và đáp án cho sẵn. Có những bài học buộc phải thảo luận thì cần chọn các mô hình học tập tham gia, hợp tác nhóm hoặc kiểu phương pháp nghiên cứu. Nếu GV chọn kiểu phương pháp thông báo - thu nhận thì không thích hợp, không thể mang lại hiệu quả cao. Trong tiến trình dạy học, GV kết hợp các kiểu phương pháp dạy học thế nào, vào thời điểm hay tình huống nào thì dùng kiểu nào... đều là những vấn đề cần được ghi nhận và đánh giá khi dự giờ.

- *Kỹ năng dạy học của GV thể hiện trong thiết kế và trên lớp*. Kỹ năng dạy học của GV thể hiện ở các yếu tố sau: Kỹ năng tổ chức giờ dạy, kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học, kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng đánh giá (Đặng Thành Hưng, 2013a, 2013b).

+ *Đánh giá kỹ năng tổ chức giờ dạy*: Đánh giá kỹ năng này, nhà quản lý cần coi GV giống như một “đạo diễn” - nghĩa là đánh giá vai trò “đạo diễn” của người dạy. GV phải dựa trên cơ sở nhu cầu của người học để tổ chức hình thức dạy học phù hợp. Tuy nhiên, khi đó người học sẽ chưa biết có những hình thức tổ chức giờ học nào, thì GV phải đưa ra cho HS lựa chọn, có thể dưới sự gợi ý và hướng dẫn của GV. Có rất nhiều hình thức tổ chức dạy học đã được đội ngũ các nhà khoa học nghiên cứu và được thử nghiệm, được công nhận hoặc do GV tự sáng tạo phù hợp với môi trường học tập và nhu cầu của HS. Có thể lựa chọn một số chiến lược dạy học và học tập hiệu quả có thể giúp GV và HS lựa chọn được các hình thức tổ chức dạy học làm cho người học say mê, tích cực học tập: Dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, dạy học theo dự án, nghiên cứu trường hợp... (Đặng Thành Hưng, 2004, tr 88). Ví dụ: khi dạy bài Làm văn *Phóng vấn và trả lời phóng vấn* (Ngữ văn lớp 11, tập 1), GV có thể chọn một trong ba hình thức tổ chức dạy học sau: (1) Học trên lớp - GV thuyết giảng, HS ghi chép bài và xem băng hình, video phỏng vấn; (2) Học ngoài sân trường - HS chia nhóm thực hành phỏng vấn, mỗi nhóm một chủ đề khác nhau, HS tự tìm hiểu nội dung kiến thức và thực hành phỏng vấn, tự phân công nhiệm vụ cho nhau rồi ghi lại vào video nộp cho GV; (3) Học trải nghiệm thực tế - HS cũng chia nhóm và tự chọn chủ đề đi phỏng vấn thực tế ngoài đời sống và nộp sản phẩm cho GV. Khi đó, đánh giá giờ dạy sẽ căn cứ vào hiệu quả và mức độ hứng thú của HS với mỗi hình thức tổ chức dạy học.

+ *Đánh giá kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học*: GV có kỹ năng vận dụng tốt các phương pháp dạy học phù hợp và hiệu quả thì điều đó phải được thể hiện rõ trong giờ dạy, nghĩa là phải gọi tên và nhận diện được các phương pháp đó. Có rất nhiều phương pháp dạy học của các nhà khoa học hàng đầu trên thế giới cũng như của Việt Nam để vận dụng (Đặng Thành Hưng, 2004, tr 53). Vì vậy, khi đánh giá kỹ năng này cần tổng hợp được: GV đã sử dụng những phương pháp dạy học nào, phương pháp dạy học đó có phù hợp với bài học không, HS có hứng thú với phương pháp dạy học đó không. Cần đưa ra những tiêu chí cụ thể để đánh giá kỹ năng này.

+ *Đánh giá kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học* theo 4 tiêu chí cơ bản như sau: (1) Biết hoạch định những phương tiện và học liệu đặc thù của bài học từ khâu thiết kế; (2) Sử dụng thành thạo, đúng chức năng và phát huy triệt để các loại công cụ học tập. Chức năng được quy thành 3 nhóm: hỗ trợ GV, hỗ trợ HS, hỗ trợ đồng thời cả GV và HS. Trong mỗi nhóm như vậy cần phân biệt những chức năng cụ thể hơn nữa. Chẳng hạn, các phương tiện hỗ trợ GV gồm: Cung cấp tư liệu tham khảo; Hướng dẫn giảng dạy; Trợ giúp lao động thể chất; Hỗ trợ giao tiếp và tương tác giữa thầy và trò; Tạo lập môi trường và điều kiện sư phạm... Những phương tiện hỗ trợ HS cũng có nhiều loại được chia theo chức năng: Hỗ trợ tìm kiếm và khai thác thông tin, sự kiện, minh họa; Công cụ tiến hành hoạt động (nhận thức, giao tiếp, quản lý); Hỗ trợ tương tác với GV và với nhau; Trợ giúp lao động thể chất; Hướng dẫn học tập...; (3) Xác định rõ ràng về bản chất vật lý, tức là vật liệu gì, kích thước, cấu tạo, số lượng, khối lượng, màu sắc, hình dạng... và những đặc điểm kỹ thuật khác, về bản chất sinh học và tâm lý, tức là những đặc điểm có liên quan đến thị giác, thính giác, các cảm giác nói chung, đến sức khỏe, thể hình và vận động, đến các quá trình trí tuệ, xúc cảm và tính tích cực cá nhân, về bản chất xã hội, tức là những đặc điểm thẩm mỹ, văn hóa, đạo đức, chính trị...; (4) Biết xử lý tình huống phát sinh trong giờ học: có thể khâu chuẩn bị đã rất kỹ lưỡng và cẩn thận nhưng cũng không thể không xảy ra các sự cố, lỗi kỹ thuật, lỗi thiếu sót khi dàn dựng, chuẩn bị... thì GV cần linh hoạt xử lý để giờ học không bị gián đoạn hoặc không bị đổ bể.

+ *Đánh giá kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống trên lớp* có hai loại tình huống: (1) Tình huống dạy học được GV chủ động tạo ra từ khâu thiết kế bài học để nhằm phát huy tính tích cực học tập của HS. Đó là những tình huống nhằm định hướng nhận thức, cảm xúc, vận động, giao tiếp của HS (Đặng Thành Hưng, 2004, tr 188). Đánh giá kỹ năng xử lý tình huống loại này chủ yếu qua hoạt động học tập của HS, nghĩa là HS xử lý các tình huống để lĩnh hội bài học tốt thì GV đã thành công; (2) Tình huống phát sinh trong quá trình dạy học nằm ngoài sự chuẩn bị (Đặng Thành Hưng, 2004, tr 188). Điều này đòi hỏi GV phải có kỹ năng rất tốt để xử lý, nếu không giờ học sẽ bị rối và không đạt được kết quả hoặc kết quả không theo định hướng ban đầu, rời xa mục tiêu đã định. Kỹ năng này được tổng hợp từ kinh nghiệm bản thân mỗi người và được rèn luyện qua việc thường xuyên vận dụng những kỹ thuật ứng xử. Kỹ thuật ứng xử với các tình huống có thể được xem là kỹ thuật dạy học vì mô có tầm quan trọng đặc biệt, GV phải làm thế nào để đạt hiệu quả sư phạm cao nhất mà vẫn bảo đảm tiến độ của giờ học. Mỗi GV cần thành thạo những kỹ thuật hành vi ứng xử tối thiểu, không chứa đựng những nguy cơ sai lầm, còn nghệ thuật cũng như kinh nghiệm làm thầy thì có tác dụng giúp GV áp dụng linh hoạt, đúng chỗ, đúng lúc, đúng mức và hiệu quả những kỹ thuật hay cảm nang này trong thực tiễn dạy học.

+ *Đánh giá kỹ năng giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của người học*: Mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là so sánh năng lực của HS với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức và kỹ năng (năng lực) môn học ở từng chủ đề, để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học. Tiến hành đánh giá kết quả học tập môn học theo ba công đoạn cơ bản là thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin, xác nhận kết quả học tập và ra quyết định điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học.

2.2.3. Đánh giá hoạt động học tập của học sinh

- *Các hoạt động tìm tòi - phát hiện*: Đánh giá cách người học thu nhận thông tin và lượng thông tin họ tự tìm được từ sách tham khảo, tư liệu điện tử, mạng, phần mềm, thí nghiệm, quan sát sự vật, thảo luận... Người học thực hiện bao nhiêu hoạt động có chức năng tìm tòi - phát hiện để thu thập dữ liệu, bổ sung sự kiện, kiểm tra giả thuyết, làm sáng tỏ phán đoán, nhận thức nhiệm vụ hoặc vấn đề, phân tích tình huống, tích lũy sự kiện...

- *Các hoạt động xử lý, biến đổi và phát triển sự kiện, vấn đề của người học*: Các hoạt động này giúp người học xây dựng ý tưởng, tạo dạng tri thức, hình thành kỹ năng, hiểu và phát biểu được những định lý, quy tắc, khái niệm... Đánh giá cách xử lý, biến đổi thông tin, dữ liệu và sự kiện đã tìm ra, đã phát hiện được. Qua xử lý, người học có tìm ra những sự kiện mới của mình không. Từ sự kiện mới như là điểm xuất phát cảm tính mới, sẽ nảy sinh quá trình tư duy, cảm nhận, tưởng tượng, suy luận và khái quát hóa của người học. Họ có nêu ra được những biểu tượng, tư duy, khái niệm... và tự phát biểu lên định lý, quy tắc, quy luật, công thức, mô hình... theo sự kiện do chính họ tích lũy không. Các hoạt động này có tác dụng phát triển kỹ năng trí tuệ và kỹ năng học tập. Nói cách khác, chúng sản sinh

hay kiến tạo những yếu tố mới trong quá trình học tập và nâng việc học lên trình độ cao hơn trình độ nhận biết, ghi nhớ và nhớ lại ban đầu. Hoạt động kiểu này ít nhất cũng phát triển những kỹ năng áp dụng, kỹ năng ghi nhớ, sử dụng trí nhớ và nhớ lại, các kỹ năng trí óc mà trước hết là tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề. Vì vậy, qua hoạt động này, cần đánh giá được các kỹ năng của xử lý biến đổi và phát triển sự kiện, vấn đề của người học.

- *Đánh giá các hoạt động ứng dụng - củng cố*: Hoạt động áp dụng các kết quả xử lý - biến đổi và phát triển khái niệm, giúp người học hoàn thiện tri thức, kỹ năng môn học qua hành động thực tế, trong tình huống khác trước và nhờ đó phát triển thêm các sự kiện, bổ sung thông tin, trải nghiệm giá trị. Những hoạt động này thường có hình thức thực hành hoặc nhiệm vụ thực tiễn. Người học phải làm ra cái gì cụ thể, hoàn tất một công việc cụ thể, qua đó luyện tập và củng cố những điều đã học bằng công việc, quan hệ và chia sẻ trong lớp, trong nhóm. Có thể đó là nghiên cứu cá nhân hoặc nhóm về một chủ đề, viết và trình bày một báo cáo, tiến hành một thực nghiệm thăm dò hoặc chứng minh... Loại hoạt động này có chức năng hoàn thiện tri thức và kỹ năng đã lĩnh hội được, chính xác hóa khái niệm hoặc những nguyên tắc lí luận, vì vậy cần đánh giá được những sản phẩm mà người học tạo ra khi ứng dụng, củng cố những kiến thức đã học được.

- *Đánh giá các hoạt động đánh giá và điều chỉnh của HS*: Các hoạt động đánh giá do người học thực hiện chủ yếu giúp họ tự nhận thức rõ kết quả học tập và trải nghiệm thành công cũng như thiếu sót của mình; đồng thời, biết đánh giá được bạn của mình. Đây là yếu tố động viên rất mạnh mẽ quá trình học tập, nhất là tính tích cực học tập. Việc đánh giá phải hướng vào hành vi và kết quả học tập, chứ không hướng vào thái độ và tính cách mỗi người. Từ kết quả đánh giá và những kinh nghiệm sau đánh giá, người học cần thực hiện một vài hoạt động bổ sung có tác dụng luyện tập, rèn kỹ năng và củng cố bài học; qua đó, quá trình và kết quả học tập được người học nhìn nhận với cái nhìn mới mẻ hơn, đầy đủ hơn và hoàn thiện hơn. Vì vậy, khi đánh giá hoạt động này, người dự giờ cần xem xét về kỹ năng, thái độ đánh giá của HS có nghiêm túc, chân thành, khách quan, công bằng không. Qua đó, một lần nữa người dự giờ có thể nhìn thấy được mức độ nắm bài của người học (Đặng Thành Hưng, 2004; Ngô Quỳnh Vân, 2018).

3. Kết luận

Những xu hướng hiện đại trong quản lí dạy học hiện nay vẫn chưa được quan tâm đúng mức và được nhận thức chưa đầy đủ ở các trường cao đẳng nghề. Dự giờ và đánh giá giờ học các môn phổ thông ở trường cao đẳng nghề thuật là một ví dụ. Nhiệm vụ này chưa đi vào chiều sâu mà vẫn mang tính hình thức sự vụ. Đặc biệt, khi thảo luận về giờ học, các GV thường quan tâm quá nhiều đến nội dung học tập, rà soát các lỗi về nội dung mà ít lưu ý đến đánh giá nhiều mặt khác. Vì vậy, đây vẫn là vấn đề thời sự và cần được nghiên cứu tiếp tục để quản lí dạy học tốt hơn. Tóm lại, yêu cầu dự giờ và đánh giá giờ học có 2 phần: (1) Yêu cầu thực hiện các nguyên tắc giáo dục hướng vào người học; (2) Yêu cầu áp dụng một số tiêu chí thiết yếu khi dự giờ và đánh giá giờ học, bao quát nhiều khía cạnh của dạy học.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Thành Hưng (2002). *Dạy học hiện đại: Lí luận - Biện pháp - Kỹ thuật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đặng Thành Hưng (2004). *Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại*. Tạp chí Giáo dục, số 78, tr 25-27.
- Đặng Thành Hưng (2012). *Lí thuyết phương pháp dạy học*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- Đặng Thành Hưng (2013a). *Kỹ năng dạy học và tiêu chí đánh giá*. Tạp chí Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 88, tr 5-9.
- Đặng Thành Hưng (2013b). *Thiết kế bài học và tiêu chí đánh giá*. Tạp chí Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 94, tr 4-7.
- Đặng Thành Hưng, Khổng Mạnh Điệp (2018). *Các kỹ năng dạy học hợp tác ở tiểu học*. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 129, tr 33-36.
- Ngô Quỳnh Vân (2018). *Thiết kế bài học theo hướng tích cực hóa học tập của người học trong dạy học các môn văn hóa ở Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 5, tr 240-244; 234.
- Trần Thị Tuyết Oanh (2010). *Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kỹ năng sư phạm của sinh viên ở các trường đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trong xu thế hội nhập*. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số: B2008-17-151.